ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 879/UBND-NNTN V/v góp ý dự thảo Thông tư Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 3 năm 2013*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 1728
Ngày: 19/3/2013
Chuyển:

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản)

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 514/BTC-QLCS ngày 10/01/2013 về việc tham gia góp ý vào dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, UBND tỉnh Quảng Ngãi tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về cơ bản thống nhất nội dung dự thảo mà Bộ Tài chính soạn thảo; tuy nhiên, để việc ban hành Thông tư quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung phù hợp tình hình thực tế tại địa phương cần phải cân nhắc tính khả thi khi thực hiện, cụ thể:

a) Những đặc thù của công trình cấp nước sạch tập trung ở nông thôn:

- Công trình cấp nước sạch tập trung ở nông thôn không thể tính đến yếu tố kinh doanh mà là công trình phúc lợi xã hội. Nước sạch nông thôn chưa thể trở thành hàng hóa mặc dù Đảng và Nhà nước đang cố gắng tạo ra thị trường nước sạch ở nông thôn nhưng kết quả đạt được không cao.

- Thực hiện các chính sách đầu tư của Nhà nước công trình cấp nước sạch nông thôn được ưu tiên đầu tư cho những vùng đặc biệt khó khăn về nước sinh hoạt, xã nghèo, vùng kinh tế kém phát triển, vùng đồng bào dân tộc ít người nhằm cải thiện đời sống cho nhân dân. Đầu tư ở những vùng này suất đầu tư cao do mật độ dân cư thưa thớt, thu nhập của người dân còn quá thấp nên ngân sách nhà nước đầu tư là chính; đối với các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở các huyện miền núi suất đầu tư lớn hơn gấp nhiều lần so với đồng bằng.

- Hiện nay, việc thu tiền nước mới chỉ áp dụng thu đối với các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn khu vực đồng bằng, với mức thu chỉ đủ chi trả tiền điện và tiền công cho người vận hành, không đủ chi trả khấu hao, sửa chữa công trình nên nhiều công trình dù mới đưa vào sử dụng cũng phải dựa vào nguồn hỗ trợ của ngân sách nhà nước. Đối với các xã miền núi, hầu hết không thu được tiền sử dụng nước sạch của nhân dân nên nhiều công trình không có nguồn chi trả công cho người vận hành.

b) Trường hợp phải tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất:

- Qua thực tế, giá thành cho một mét khối nước nếu không tính khấu

hao cơ bản đã gần 6.000 đ/m^3 nước sạch. Với mức giá này, nhiều hộ dân nông thôn cũng không có khả năng chi trả tiền sử dụng nước sạch từ các công trình cung cấp nước sạch, do đó các đơn vị quản lý, khai thác cũng không có đủ nguồn thu để duy trì hoạt động của công trình cấp nước.

- Trường hợp tính khấu hao công trình cấp nước sạch nông thôn trong 20 năm thì công trình có tổng mức đầu tư trung bình phải nộp khấu hao ít nhất 250 triệu đồng/năm; tiền bán nước sạch thu được không đủ trích khấu hao chưa tính đến những chi phí sản xuất khác.

- Về cấp bù giá nước, nếu ghi thu, ghi chi từ nguồn khấu hao để cấp bù cũng chỉ có ý nghĩa về quản lý tài sản, không có ý nghĩa về giảm chi ngân sách cấp bù giá nước sạch. Vì nếu không tính khấu hao đã 6.000 đồng/m^3 nước nếu cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước thấp hơn nữa thì vẫn phải cấp bù.

2. Đề nghị bổ sung những quy định:

- Những công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn đã được nhà nước đầu tư thì xác lập sở hữu để nhằm quản lý tốt tài sản nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình.

- Quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện cấp bù giá nước sạch nông thôn tập trung để kịp thời thẩm định, quyết định tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình duy trì hoạt động, đảm bảo phục vụ nhu cầu nước sạch cho nhân dân.

Trên đây là ý kiến tham gia góp ý của UBND tỉnh Quảng Ngãi, kính đề nghị Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-CT, PCT (NL) UBND tỉnh;
-VPUB: CVP, PVP(NL,CN), CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNak143.

CHỦ TỊCH

Cao Khoa